

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

..... 000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 4 NĂM 2025

Báo cáo gồm có:

- 1. Bảng cân đối kế toán – Mẫu số B01-DN*
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh – Mẫu số B02-DN*
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ – Mẫu số B03-DN*
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính – Mẫu số B09-DN*

HÀ NỘI – 2026



CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, Trường Chinh, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỶ	SỐ ĐẦU KỶ
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.282.927.794	103.908.308.768
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.061.807.428	2.511.483.604
1. Tiền	111	V.01	1.061.807.428	2.511.483.604
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1.372.370.000	906.801.515
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.757.231.910	1.128.905.891
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(384.861.910)	(222.104.376)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.610.141.532	54.880.678.187
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	63.096.171.223	67.101.547.689
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.473.311.189	6.306.238.157
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		8.183.020.468	8.183.020.468
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	62.073.828.225	62.139.413.260
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(91.216.189.573)	(88.849.541.387)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	2.992.015.261	44.672.157.273
1. Hàng tồn kho	141		2.992.015.261	44.672.157.273
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		246.593.573	937.188.189
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	14.945.154	38.158.712
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		231.041.612	898.422.670
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		606.807	606.807
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		364.639.182.579	329.087.092.470
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.000.000	7.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		7.000.000	7.000.000
II. Tài sản cố định	220		6.534.480.315	8.987.267.463
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	6.534.480.315	8.987.267.463
- Nguyên giá	222		47.383.795.277	47.383.795.277
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(40.849.314.962)	(38.396.527.814)
III. Bất động sản đầu tư	230		89.427.475.330	91.756.249.478
- Nguyên giá	231		117.774.019.565	117.774.019.565
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(28.346.544.235)	(26.017.770.087)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	42.142.198.717	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		42.142.198.717	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	226.528.028.217	228.336.575.529
1. Đầu tư vào công ty con	251		273.280.000.000	273.280.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		19.891.470.000	19.891.470.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(69.407.441.783)	(64.834.894.471)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.764.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		417.922.110.373	432.995.401.238

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, Trường Chinh, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		332.398.679.848	338.531.600.222
I. Nợ ngắn hạn	310		130.552.258.598	204.602.600.222
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	75.728.986.090	78.283.334.598
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.025.173.246	13.024.604.848
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.135.140.274	1.142.367.821
4. Phải trả người lao động	314		613.944.610	610.860.446
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	12.126.774.014	12.126.774.014
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		15.379.371	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	19.632.276.302	91.558.969.398
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	992.958.158	574.062.564
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.281.626.533	7.281.626.533
II. Nợ dài hạn	330		201.846.421.250	133.929.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		196.186.421.250	129.219.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	5.660.000.000	4.710.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		85.523.430.525	94.463.801.016
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	85.523.430.525	94.463.801.016
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		575.100.000.000	575.100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575.100.000.000	575.100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.960.749.348	32.960.749.348
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(73.426.398.513)	(73.426.398.513)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(449.110.920.310)	(440.170.549.819)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(441.736.254.011)	(440.170.549.819)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(7.374.666.299)	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		417.922.110.373	432.995.401.238

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

HOÀNG MẠNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NGỌC HÙNG

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, Trường Chinh, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Quý 4 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Kỳ báo cáo		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.846.759.875	7.823.088.643	21.253.196.655	26.790.131.746
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10		3.846.759.875	7.823.088.643	21.253.196.655	26.790.131.746
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.423.578.865	6.361.375.947	18.699.018.506	22.761.282.342
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		423.181.010	1.461.712.696	2.554.178.149	4.028.849.404
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	(12.807.046)	50.396.297	165.518.831	781.388.132
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	3.245.789.498	939.713.762	4.735.304.846	6.195.750.325
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	4.543.254.275	556.358.789	7.476.566.119	2.932.166.891
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30		(7.378.669.809)	16.036.442	(9.492.173.985)	(4.317.679.680)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	4.003.510	97.200.498	552.211.150	224.603.148
12. Chi phí khác	32	VI.08		534.651	407.656	59.827.364
13. Lợi nhuận khác	40		4.003.510	96.665.847	551.803.494	164.775.784
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.374.666.299)	112.702.289	(8.940.370.491)	(4.152.903.896)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(7.374.666.299)	112.702.289	(8.940.370.491)	(4.152.903.896)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

NGƯỜI LẬP BIỂU

HOÀNG MẠNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG



CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, Trường Chinh, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 03 - DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của
BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2025

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LƯU KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN KỶ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>		<i>(8.940.370.491)</i>	<i>(4.152.903.896)</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			<i>11.829.168.750</i>	<i>10.425.071.758</i>
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02		4.781.561.296	4.779.634.300
- Các khoản dự phòng	03		7.101.953.032	5.307.071.604
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(54.345.578)	338.365.854
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		<i>2.888.798.259</i>	<i>6.272.167.862</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.614.615.105	10.312.397.643
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(462.056.705)	(1.459.720.022)
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(7.501.815.968)	(25.352.290.032)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		23.213.558	(37.646.589)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(628.326.019)	(1.128.905.891)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			(59.544.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(65.571.770)</i>	<i>(11.453.541.029)</i>
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(225.090.909)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			2.740.400.000
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.764.000.000)	(8.000.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			5.148.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.000.000	10.000.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(2.753.000.000)</i>	<i>(326.690.909)</i>
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ đi vay	33		1.368.895.594	4.253.422.564
- Tiền trả nợ gốc vay	34			(500.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>1.368.895.594</i>	<i>3.753.422.564</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(1.449.676.176)	(8.026.809.374)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.511.483.604	10.538.292.978
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	1.061.807.428	2.511.483.604

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG




HOÀNG MẠNH TUẤN

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG



NGUYỄN NGỌC HƯNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2025

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất
3. Ngành nghề kinh doanh:

- Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ Hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khoan phụt vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thi nghiệm vật liệu xây dựng;
- Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mỏ địa chất

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
- Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
- Môi giới bất động sản;
- Định giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con

- Công ty CP Đầu tư Thủy điện An pha

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

- Chi nhánh Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại Thanh Hóa
- Chi nhánh Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (TP. Hà nội)
- Chi nhánh Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại tỉnh Tuyên Quang

7. Tuyên bố về khả năng so sánh của thông tin trên Báo cáo tài chính:

Số liệu đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính 2025 là năm tài chính thứ 20 của Công ty kể từ khi chuyển đổi hình thức sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty CP năng lượng và bất động sản MCG tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh: được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)

- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

c) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) được lập vào cuối niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh to việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 6

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Riêng chi phí đi vay để đầu tư xây dựng dự án khu nhà ở cao tầng và văn phòng Dự án tại 102 Trường Chinh được vốn hóa vào giá trị công trình.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Riêng đối với công cụ dụng cụ được phân loại lại do không đủ tiêu chuẩn là Tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay nợ thuê tài chính được theo dõi theo kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ trừ các trường hợp chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp, riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

15. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Doanh thu kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bàn giao mốc giới.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Thu nhập khác gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được xác định theo dự toán đầu tư.

Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, Chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí tài chính khác.

Chi phí tài chính được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói sản phẩm và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Báo cáo theo bộ phận: Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Kim Liên, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, Trường Chinh, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

	Cuối kỳ		Đầu năm			
1- Tiền						
- Tiền mặt		206.491.900		232.444.300		
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		855.315.528		2.279.039.304		
- Các khoản tương đương tiền						
Cộng		1.061.807.428		2.511.483.604		
2- Các khoản đầu tư tài chính:						
	Giá gốc	Cuối kỳ	Dự phòng	Giá gốc	Đầu năm	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh:	1.757.231.910	1.372.370.000	(384.861.910)	1.128.905.891	933.000.000	(222.104.376)
- Tổng giá trị cổ phiếu	1.757.231.910	1.372.370.000	(384.861.910)	1.128.905.891	933.000.000	(222.104.376)
+ Cổ phiếu Ngân hàng SHB	551.859.735	490.500.000	(61.359.735)			
+ Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn Hà Nội				95.234.650	64.000.000	(31.234.650)
+ Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	600.381.530	412.720.000	(187.661.530)	443.181.393	283.500.000	(159.681.393)
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh				265.188.333	234.000.000	(31.188.333)
+ Cổ phiếu Công ty cổ phần DAP - VINACHEM				181.948.305	197.000.000	
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	75.686.485	66.750.000	(8.936.485)	143.353.210	154.500.000	
+ Cổ phiếu Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực	286.706.420	221.000.000	(65.706.420)			
+ Cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	242.597.740	181.400.000	(61.197.740)			
- Số lượng chứng khoán kinh doanh nắm giữ cuối kỳ như sau:				Cuối kỳ	Đầu năm	
+ Cổ phiếu Ngân hàng SHB				30.000		
+ Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn Hà Nội					5.000	
+ Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng				24.640	15.000	
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh					15.000	
+ Cổ phiếu Công ty cổ phần DAP - VINACHEM					10.000	
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam				5.000	10.000	
+ Cổ phiếu Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực				20.000		
+ Cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh				20.000		
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Giá gốc	Cuối kỳ	Dự phòng	Giá gốc	Đầu năm	Giá hợp lý
- Đầu tư vào công ty con						
+ Công ty CP ĐT thủy điện An Pha	273.280.000.000	(60.443.228.577)	212.836.771.423	273.280.000.000	(56.557.324.620)	216.722.675.380
Cộng	273.280.000.000	(60.443.228.577)	212.836.771.423	273.280.000.000	(56.557.324.620)	216.722.675.380
- Đầu tư vào đơn vị khác						
	Giá gốc	Cuối kỳ	Dự phòng	Giá gốc	Đầu năm	Giá hợp lý
+ Công ty CP ĐT và PT các KCN Hà Tĩnh	1.050.000.000	(1.050.000.000)		1.050.000.000	(1.050.000.000)	
+ Công ty CP ĐT và phát triển điện Meco	2.250.000.000	(500.081)	2.249.499.919	2.250.000.000	(880.954)	2.249.119.046
+ Công ty CP Cơ điện và XD Hoà Bình	2.241.470.000	(2.241.470.000)		2.241.470.000	(2.241.470.000)	
+ Công ty CP BP Tư vấn và ĐT XD	1.800.000.000	(41.403.547)	1.758.596.453	1.800.000.000	(41.403.547)	1.758.596.453
+ Công ty CP NL tái tạo Bình Long	10.000.000.000	(3.080.839.578)	6.919.160.422	10.000.000.000	(2.393.815.350)	7.606.184.650
+ Công ty CP Ván nhân tạo Yên Bái	2.550.000.000	(2.550.000.000)		2.550.000.000	(2.550.000.000)	
Cộng	19.891.470.000	(8.964.213.206)	10.927.256.794	19.891.470.000	(8.277.569.851)	11.613.900.149
- Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn		Cuối kỳ	Hoàn nhập	Trích lập dự	Đầu năm	
		(69.407.441.783)		(4.572.547.312)	(64.834.894.471)	

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, Trường Chinh, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

3- Phải thu của khách hàng

	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	23.882.571.962	27.598.863.717
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	39.213.599.261	39.502.683.972
Công ty CP Đầu tư Thủy điện An Pha		
Phải thu về tiền sản lượng	23.685.598.780	23.685.598.780
Phải thu về tiền điện nước và thuê mặt bằng	41.239.942	33.163.941
Phải thu thanh lý TSCĐ	550.000.000	550.000.000
Công ty CP xây dựng MCG		
Phải thu phí tư vấn kỹ thuật	241.857.352	241.857.352
Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO		
Phải thu về tiền sản lượng thi công xây lắp, thanh lý tài sản XDCBDD	925.682.068	925.682.068
Công ty CP Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam		
Tiền điện nước	8.305.972	
Phí Tư vấn kỹ thuật Dự án Vân Từ	380.533.316	
Công ty CP Cơ khí Vân Lâm		
Phải thu về tiền cho thuê nhà xưởng và thu khác	13.380.381.831	14.066.381.831
Cộng	63.096.171.223	67.101.547.689

4- Phải thu khác

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	60.948.804.203	57.490.046.011	61.089.975.536	58.189.713.667
- Tạm ứng	140.996.626	-	397.780.857	275.922.560
- Phải thu khác	60.807.807.577	57.490.046.011	60.692.194.679	57.913.791.107
Phải thu khác là các bên liên quan	1.125.024.022	-	1.049.437.724	-
Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha	313.619.694	-	255.969.748	-
Công ty TNHH đầu tư Linh Việt Nam	768.986.302	-	768.986.302	-
Ông Trần Hải Anh - Phải thu khác	42.418.026	-	24.481.674	-
b) Dài hạn	7.000.000	-	7.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	7.000.000	-	7.000.000	-
Cộng	62.080.828.225	57.490.046.011	62.146.413.260	58.189.713.667

5- Nợ xấu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể	Giá gốc	Giá trị có thể thu
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá	91.216.189.573	-	88.849.541.387	-

6- Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	99.410.900	-	99.410.900	-
- Công cụ, dụng cụ	900.000	-	900.000	-
- Chi phí SX, KD dở dang	578.346.242	-	42.258.488.254	-
- Thành phẩm	52.886.080	-	52.886.080	-
- Hàng hóa	12.272.727	-	12.272.727	-
- Hàng gửi bán	2.248.199.312	-	2.248.199.312	-
Cộng	2.992.015.261	-	44.672.157.273	-

7- Tài sản dở dang dài hạn

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể	Giá gốc	Giá trị có thể thu
a) Chi phí SXKD dở dang dài hạn				
Dự án 102 Trường Chinh	42.142.198.717	42.142.198.717		
Cộng	42.142.198.717	42.142.198.717		

7- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, Trường Chinh, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Khoản mục	Nhà cửa, vật liến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	1.556.508.000	39.051.755.783	6.695.531.494	80.000.000	47.383.795.277
- Mua trong kỳ		-	-		-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	1.556.508.000	39.051.755.783	6.695.531.494	80.000.000	47.383.795.277
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	1.556.508.000	32.082.649.223	4.677.370.591	80.000.000	38.396.527.814
- Khấu hao trong kỳ	-	2.190.701.856	262.085.292	-	2.452.787.148
<i>Số dư cuối kỳ</i>	1.556.508.000	34.273.351.079	4.939.455.883	80.000.000	40.849.314.962
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	-	6.969.106.560	2.018.160.903	-	8.987.267.463
- Tại ngày cuối kỳ	-	4.778.404.704	1.756.075.611	-	6.534.480.315

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

16.466.634.478

8- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	117.774.019.565			117.774.019.565
- Nhà	115.948.998.618			115.948.998.618
- Cơ sở hạ tầng	1.825.020.947			1.825.020.947
Giá trị hao mòn lũy kế	26.017.770.087	2.328.774.148		28.346.544.235
- Nhà	24.818.379.415	2.262.674.292		27.081.053.707
- Cơ sở hạ tầng	1.199.390.672	66.099.856		1.265.490.528
Giá trị còn lại	91.756.249.478			89.427.475.330
- Nhà	91.130.619.203			88.867.944.911
- Cơ sở hạ tầng	625.630.275			559.530.419

- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá

580.982.864

9- Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản khác

Cuối kỳ

Đầu năm

14.945.154

38.158.712

Cộng

14.945.154

38.158.712

10- Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
a) Vay ngắn hạn	992.958.158	992.958.158	3.032.583.506	2.613.687.912	574.062.564	574.062.564
<i>Vay ngắn hạn</i>	992.958.158	992.958.158	3.032.583.506	2.613.687.912	574.062.564	574.062.564
b) Vay dài hạn	5.660.000.000	5.660.000.000	950.000.000		4.710.000.000	4.710.000.000
<i>Ông Nguyễn Ngọc Bình</i>	5.660.000.000	5.660.000.000	950.000.000		4.710.000.000	4.710.000.000
Cộng	6.652.958.158	6.652.958.158	3.982.583.506	2.613.687.912	5.284.062.564	5.284.062.564

11- Phải trả người bán

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	66.883.289.409	66.883.289.409	69.323.223.450	69.323.223.450
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	8.845.696.681	8.845.696.681	8.960.111.148	8.960.111.148
Công ty CP Xây dựng MCG				
Phải trả tiền khối lượng thi công	1.713.878.286	1.713.878.286	1.828.292.753	1.828.292.753
Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO				
Phải trả tiền khối lượng thi công	1.470.513.396	1.470.513.396	1.470.513.396	1.470.513.396
Phải trả tiền mua vật tư				
Công ty CP thiết bị phụ tùng cơ điện				
Phải trả tiền mua vật tư	5.220.036.449	5.220.036.449	5.220.036.449	5.220.036.449
Công ty CP xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn				
Phải trả tiền khối lượng thi công	441.268.550	441.268.550	441.268.550	441.268.550

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, Trường Chinh, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Cộng	75.728.986.090	75.728.986.090	78.283.334.598	78.283.334.598
12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	777.021.056	5.968.959	5.975.431	777.014.584
- Thuế TNCN	16.639.286	66.751.578	73.972.653	9.418.211
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	135.013.911	258.413.339	258.413.339	135.013.911
- Các loại thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	213.693.568	6.000.000	6.000.000	213.693.568
Cộng	1.142.367.821	337.133.876	344.361.423	1.135.140.274
13- Chi phí phải trả			Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn			12.126.774.014	12.126.774.014
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>			12.126.774.014	12.126.774.014
- Lãi trái phiếu phải trả			75.242.000	75.242.000
- Chi phí công trình			10.431.131.741	10.431.131.741
- Chi phí hỗ trợ đi đời			1.620.400.273	1.620.400.273
Cộng			12.126.774.014	12.126.774.014
14- Phải trả khác			Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn				
- Tài sản thừa chờ giải quyết			5.810.184.538	5.810.184.538
- Kinh phí công đoàn			174.285.627	247.366.127
- Bảo hiểm xã hội			761.783.124	761.783.124
- Bảo hiểm thất nghiệp			440	
- Phải trả về cổ phần hoá			252.180.000	252.180.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn			1.488.098	
- Cổ tức lợi nhuận phải trả			87.848.300	87.848.300
- Các khoản phải trả, phải nộp khác			12.544.506.175	84.399.607.309
Cộng			19.632.276.302	91.558.969.398
b) Dài hạn				
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn			76.000.000	19.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác			71.882.906.500	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác với bên liên quan			124.227.514.750	129.200.000.000
<i>Công ty CP quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam</i>			121.600.000.000	129.200.000.000
<i>Phải trả khác cho đồng sở hữu Nguyễn Ngọc Bình, Lê Văn Đà, Đào Kim Phương</i>			2.627.514.750	
Cộng			196.186.421.250	129.219.000.000

15- Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	575.100.000.000	32.960.749.348		(73.426.398.513)	(436.017.645.923)	98.616.704.912
- Lãi (lỗ) trong năm trước					(4.152.903.896)	(4.152.903.896)
Số dư cuối năm trước đầu năm nay	575.100.000.000	32.960.749.348		(73.426.398.513)	(440.170.549.819)	94.463.801.016
Số dư đầu năm nay	575.100.000.000	32.960.749.348		(73.426.398.513)	(440.170.549.819)	94.463.801.016
- Lãi (lỗ) trong kỳ					(8.940.370.491)	(8.940.370.491)
Số dư cuối kỳ	575.100.000.000	32.960.749.348		(73.426.398.513)	(449.110.920.310)	85.523.430.525

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

- Vốn góp của các đối tượng khác

Cộng

	Cuối kỳ	Đầu năm
	575.100.000.000	575.100.000.000
	575.100.000.000	575.100.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp cuối năm

	Năm nay	Năm trước
	575.100.000.000	575.100.000.000
	575.100.000.000	575.100.000.000

d) Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+ Cổ phiếu phổ thông

	Cuối kỳ	Đầu năm
	57.510.000	57.510.000
	57.510.000	57.510.000
	57.510.000	57.510.000

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, Trường Chinh, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

- Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.460.000	5.460.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.460.000	5.460.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.050.000	52.050.000
+ Cổ phiếu phổ thông	52.050.000	52.050.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000d/CP

16- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Nợ khó đòi đã xử lý:

	Cuối kỳ	Đầu năm
	272.406.330.017	272.406.330.017

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Q4/2025	Q4/2024
1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng		3.876.033.949
- Doanh thu khác	3.846.759.875	3.947.054.694
Cộng	3.846.759.875	7.823.088.643
2- Giá vốn hàng bán	Q4/2025	Q4/2024
- Giá vốn hoạt động xây dựng		3.070.355.472
- Giá vốn khác	3.423.578.865	3.291.020.475
Cộng	3.423.578.865	6.361.375.947
3- Doanh thu hoạt động tài chính	Q4/2025	Q4/2024
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.863.921	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		5.000.000
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	(50.670.967)	45.396.297
Cộng	(12.807.046)	50.396.297
4- Chi phí tài chính	Q4/2025	Q4/2024
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	3.245.789.498	939.713.762
Cộng	3.245.789.498	939.713.762
5- Thu nhập khác	Q4/2025	Q4/2024
- Các khoản khác	4.003.510	97.200.498
Cộng	4.003.510	97.200.498
6- Chi phí khác	Q4/2025	Q4/2024
- Các khoản phạt chậm nộp thuế		534.651
Cộng		534.651
7- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Q4/2025	Q4/2024
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí cho nhân viên	878.034.293	1.048.753.179
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	100.528.751	80.361.984
- Chi phí đồ dùng văn phòng	22.833.620	44.646.165
- Chi phí khấu hao TSCĐ	67.051.866	65.176.108
- Thuế phí và lệ phí	4.455.000	
- Chi phí dự phòng	3.350.623.486	(797.754.033)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		44.796.213
- Chi phí bằng tiền khác	119.727.259	70.379.173
Cộng	4.543.254.275	556.358.789
b) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi		(797.754.033)
8- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Q4/2025	Q4/2024
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	100.528.751	7.933.298.822
- Chi phí nhân công	1.136.192.587	1.788.589.061
- Chi phí khấu hao TSCĐ	67.051.866	1.197.722.212
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	590.703.173	247.544.446

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, Trường Chinh, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

- Chi phí dự phòng	3.350.623.486	(3.216.275.214)
- Chi phí khác	2.910.439.665	
Cộng	8.155.539.528	7.950.879.327

9- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Q4/2025	Q4/2024
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.374.666.299)	112.702.289
Trong đó		
+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	(7.374.666.299)	112.702.289
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	(51.134.030.100)	(50.414.413.317)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	656.517.536	406.884.717
Các khoản khác	656.517.536	406.884.717
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(51.790.547.636)	(50.821.298.034)
Cổ tức được nhận		(5.000.000)
Lỗi từ các năm trước chuyển sang	(51.790.547.636)	(50.816.298.034)
- Tổng thu nhập chịu thuế	(58.508.696.399)	(50.301.711.028)
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%

VII- Những thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.368.895.594
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	

VIII. Những thông tin khác

1- Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Q4/2025	Q4/2024
Tiền lương	481.236.762	493.394.075
<u>Trong đó:</u>		
- Thành viên trực tiếp điều hành:	481.236.762	493.394.075
+ Ban điều hành:	397.018.798	388.892.856
Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT	122.121.999	122.122.000
Nguyễn Ngọc Hưng - Tổng giám đốc	103.213.599	96.873.256
Nguyễn Thị Phương Ngọc-TV HĐQT(Bổ nhiệm ngày 21/03/2025), Phó tổng giám đốc	85.862.400	85.862.400
Phạm Thị Chinh Lương - Kế toán trưởng	84.820.800	83.035.200
Nguyễn Văn Huyền - Phó tổng giám đốc	1.000.000	1.000.000
+ Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ:	84.217.964	104.501.219
Hoàng Thị Kim Anh - Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/03/2025)		60.020.419
Kiều Thị Thanh Hải - Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/03/2025)	17.217.418	
Nguyễn Thiét - Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/03/2022)	67.000.546	44.480.800
Cộng	481.236.762	493.394.075

Giao dịch phát sinh trong kỳ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ này
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT	Phải trả khác cho đồng sở hữu	528.209.750
Ông Trần Hải Anh - Thành viên HĐQT	Phải thu khác	4.484.088

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan được trình bày tại các thuyết minh số V.4, V.10, V.13

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty CP Khoáng sản MECO
Công ty CP cơ khí Văn Lâm
Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha
Công ty CP XD Thủy lợi Meco Sài Gòn
Công ty CP Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam
Công ty CP thiết bị phụ tùng Cơ điện
Công ty CP thủy điện Khánh Khê

Mối quan hệ

Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty con
Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, Trường Chinh, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Công ty CP đầu tư và phát triển điện Meco

Công ty CP năng lượng tái tạo Bình Long

Công ty CP Xây dựng MCG

Công ty CP HTC Toàn Cầu

Công ty TNHH Long Giang (tên cũ Công ty TNHH kính Long Giang)

Công ty TNHH Đầu tư Linh Việt Nam

Công ty CP đầu tư phát triển Tiên Thành

Công ty CP năng lượng tái tạo Mỹ Hưng

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Bên liên quan của Tổng giám đốc

Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Bên liên quan của Phó tổng giám đốc

Bên liên quan của Tổng giám đốc

Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Kỳ này

Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha

Phải thu về tiền điện, cho thuê mặt bằng

Chi hộ tiền lương, bảo hiểm

1.945.519

14.212.102

Công ty CP Xây dựng MCG

Thanh toán khối lượng thi công Bản Mông, Bình Long

Thu lại tiền tạm ứng thi công

88.000.000

799.164.000

Công ty CP Cơ khí Văn Lâm

Thu tiền khác

686.000.000

Công ty CP Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam

Phải thu tiền điện, nước, thuê mặt bằng, tư vấn kỹ thuật Văn Từ

Thu tiền thuê mặt bằng, điện nước

Thanh toán tiền đặt cọc, tiền dịch vụ kỹ thuật điện nước

Phải trả tiền dịch vụ kỹ thuật điện nước

2.343.045.792

4.195.555.579

3.864.800.000

60.000.000

Công ty CP thủy điện Khánh Khê

Phải thu tiền bảo hiểm

16.747.317

Công ty CP HTC Toàn Cầu

Thu tiền điện

Phải thu tiền điện

4.480.217

4.148.349

Công ty TNHH Long Giang

Thu tiền điện

Phải thu tiền điện

9.384.206

8.689.079

Công ty CP năng lượng tái tạo Bình Long

Thu tiền thi công Công trình Bình Long

300.000.000

Tại ngày kết thúc quý, công nợ với bên liên quan khác như sau:

Số cuối kỳ

Số đầu năm

Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha

Phải thu về tiền điện, cho thuê mặt bằng

Phải thu về tiền khối lượng thi công, phải thu thanh lý TSCĐ

Phải thu về tiền lương chi hộ

41.239.942

24.235.598.780

313.619.694

33.163.941

24.235.598.780

255.969.748

Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện MECO

Phải thu về khối lượng thi công

Phải thu về thanh lý tài sản XDCBDD

715.682.068

210.000.000

715.682.068

210.000.000

Công ty CP Xây dựng MCG

Ứng trước tiền thi công dự án, Bản Mông, Bình Long, Hồ Tùng Mậu km9

Phải thu về tiền điện nước, phí tư vấn kỹ thuật

Ứng trước phải trả khác

3.334.000.000

241.857.352

3.332.611.857

4.133.164.000

241.857.352

2.832.611.857

Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn

Ứng trước tiền thi công

1.749.613.240

1.749.613.240

Công ty CP quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam

Phải thu về tiền điện nước

Phải thu phí tư vấn kỹ thuật Công trình Văn Từ

8.305.972

380.533.316

Công ty CP thủy điện Khánh Khê

Phải thu khác

33.484.218

31.595.787

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, Trường Chinh, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**Công ty CP năng lượng tái tạo Bình Long**

Phải thu về tiền khối lượng thi công

3.886.116.665

4.186.116.665

Công ty CP Cơ khí Văn Lâm

Phải thu về tiền thuê nhà xưởng và các khoản khác

13.380.381.831

14.066.381.831

Phải thu về tiền cho vay

183.020.468

183.020.468

Công ty TNHH đầu tư Linh Việt Nam

Phải thu tiền lãi cho vay

768.986.302

768.986.302

Phải thu tiền gốc cho vay

8.000.000.000

8.000.000.000

Cộng nợ phải thu**60.815.051.705****61.643.762.039**

Số cuối kỳ

Số đầu năm

Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO

Phải trả tiền vật tư

1.470.513.396

1.470.513.396

Ứng trước tiền thí nghiệm Suối Choang

55.000.000

55.000.000

Công ty CP Xây dựng MCG

Phải trả tiền thi công dự án 102, Nậm Hóa 1, Bản Mông, Bình Long

2.921.747.949

3.986.162.416

Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn

Phải trả tiền thi công

441.268.550

441.268.550

Công ty CP thiết bị phụ tùng cơ điện

Phải trả tiền vật tư

5.220.036.449

5.220.036.449

Công ty CP quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam

Phải trả khác

121.600.000.000

129.200.000.000

Công ty CP Cơ khí Văn Lâm

Phải trả tiền thuê máy

638.000.000

638.000.000

Cộng nợ phải trả**132.346.566.344****141.010.980.811**

2- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy
 Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp
- Lĩnh vực Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực Kinh doanh Bất động sản
- Lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ khác

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ

Kỳ này	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài				3.846.759.875	3.846.759.875
Tổng DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ				3.846.759.875	3.846.759.875
Chi phí bộ phận				7.966.833.140	7.966.833.140
KQKD theo bộ phận				(4.120.073.265)	(4.120.073.265)
Lợi nhuận từ hoạt động KD					(4.120.073.265)
Doanh thu hoạt động tài chính					(12.807.046)
Chi phí tài chính					3.245.789.498
Thu nhập khác					4.003.510
Chi phí khác					
Lợi nhuận sau thuế TNDN					(7.374.666.299)
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh					
	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	36.856.013.095	227.311.770.046	108.978.170.210	44.776.157.022	417.922.110.373

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, Trường Chinh, Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tổng tài sản	36.856.013.095	227.311.770.046	108.978.170.210	44.776.157.022	417.922.110.373
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	119.504.484.448	85.558.195.400	121.676.000.000	5.660.000.000	332.398.679.848
Tổng nợ phải trả	119.504.484.448	85.558.195.400	121.676.000.000	5.660.000.000	332.398.679.848
Số đầu năm					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	15.353.807.781	301.822.191.296	108.978.170.210	6.841.231.951	432.995.401.238
Tổng tài sản	15.353.807.781	301.822.191.296	108.978.170.210	6.841.231.951	432.995.401.238
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	119.044.404.822	85.558.195.400	129.219.000.000	4.710.000.000	338.531.600.222
Tổng nợ phải trả	119.044.404.822	85.558.195.400	129.219.000.000	4.710.000.000	338.531.600.222

NGƯỜI LẬP BIỂU

HOÀNG MẠNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

